Name: ……..
Class: S7
Tel: 034 200 9294
Ngày GV giao bài: Thứ …… ngày ……/…….
Ngày HS nộp bài: Thứ …… ngày ……/…….

Grammar: ……
Writing: ……...
Listening: …….
Mini Test: …….

GLOBAL ENGLISH 7

UNIT 4 – FROM A TO B – GRAMMAR 1 & WRITING

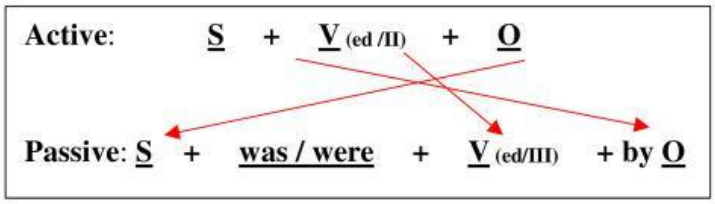
Lưu ý: *Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chú thích nghĩa: Con về nhà chép mỗi từ 1 dòng để ghi nhớ nhé.*

A. GRAMMAR: PAST SIMPLE PASSIVE (Câu bị động thì quá khứ đơn)

1. Form (Hình thái)

Affirmative (Khẳng định)	Negative (Phủ định)	Interrogative (Nghi vấn)
S + was / were + $V_{(ed/III)}$ (+ by O)	**S + was / were + not + $V_{(ed/III)}$ (+ by O)**	**Was / Were + S + $V_{(ed/III)}$ (+ by O)?**

Dưới đây là cách chuyển câu chủ động thành câu bị động trong thì quá khứ đơn:





2. Usage (Cách dùng)

- Dùng khi **nói đến một hành động,** nhưng **không biết ai,** hay **không cần thiết phải biết ai thực hiện hành động đó**.

Ex: My camera **was stolen** while I was on holiday.

(Ai đó đã ăn cắp cái camera của tôi, nhưng tôi không biết ai đã lấy nó.)

This house **was built** in the 19th Century.

(Ai đó đã xây căn nhà này vào thế kỉ 19, nhưng tôi không biết đấy là ai.)

- Nếu ta muốn đề cập tới **người thực hiện hành động**, ta dùng dạng câu bị động với giới từ ***by***.

Ex: This house was built **by my father** last year.

This cake was made **by my mother.**

*** Note: S = subject:** chủ ngữ; **$V_{(ed/II)}$ = verb past simple:** động từ quá khứ đơn;

$V_{(ed/III)}$ = verb past participle: động từ quá khứ phân từ; **O = object: tân ngữ**

B. EXTRA VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**tear apart** (phr.v)	xé rách	5	**training centre** (n.phr)	trung tâm đào tạo
2	**complicated** (adj)	phức tạp	6	**celebrity** (n)	người nổi tiếng
3	**animated film** (n.phr)	phim hoạt hình	7	**original** (adj)	độc đáo, khác biệt
4	**let me have a go** (idiom)	cho phép tôi thử cái gì	8	**variety** (n)	sự đa dạng, phong phú

***Note:** *n = noun: danh từ;* *adj = adjective: tính từ;* *idiom: thành ngữ;*
phr.v = phrasal verb: cụm động từ; *n.phr = noun phrase: cụm danh từ*

*Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

LIVEWORKSHEETS

C. HOMEWORK

I. Circle the correct answer.

0. This room ***was*** */* ***were*** *cleaned yesterday.*

1. Many accidents **were / was** caused by careless driving.
2. The letters were **sent / sending** to the wrong address by mistake.
3. His car was **repaired / repairing** for free by a stranger.
4. Tom – my yellow cat – broke our flower vase yesterday. The flowers were **ruined / to ruining**.
5. Her notebook was **tore / torn** apart by her brother.

II. Look at the pictures and complete the sentences. Use the correct passive form of the verbs in the box.

call	~~rob~~	catch	find	investigate	send



0. At ten o'clock yesterday morning, the local bank ***was robbed***.

1. At one minute past ten, the police _____.
2. A few minutes later, the police arrived at the bank. The crime scene _____.
3. At twenty past ten, the robbers' fingerprints _____.
4. At half past eleven, the robbers _____.
5. At 5 p.m. in the afternoon, they _____ to prison.

III. Write and correct the mistake in each sentence.

0. My camera was stole yesterday. ***stole*** → ***stolen***

1. When the pizza was delivering, it was cold. _____ → _____
2. Was your money stealing out of your bag? _____ → _____

LIVEWORKSHEETS

3. We haven't allowed to use a dictionary in the exam yesterday. _____ → _____

4. Vegetables was usually kept in the fridge. _____ → _____

5. She was force to leave the room. _____ → _____

IV. Circle the correct answer.

0. The flowers _____ by my grandfather.

A. was planted *B. were plant* *C. were planted*

1. Mary: I _____ waiting for half an hour by the hairdresser.
John: Poor you!
A. was kept B. were kept C. was keep

2. Mary: Did you go to the party?
John: No, I _____.
A. was invited B. wasn't invited C. weren't invited

3. Josephine _____ by the news about the war.
A. were worried B. was worried C. was worry

4. My mom _____ a surprise birthday party last week.
A. was given B. was giving C. were given

5. A few years ago, the books _____ into English.
A. were translating B. were the translation C. were translated

V. Rewrite these sentences in PAST SIMPLE PASSIVE.

0. Someone built this house 200 years ago.

→ _____***This house was built 200 years ago***_____.

1. They discovered the hidden treasure in a cave.

→_____.

2. Did the police arrest the suspect last night?

→_____?

3. When did they write the first science fiction novel?

→_____?

4. The authorities destroyed the illegal documents last month.

→_____.

5. Did they send you any information yesterday?

→_____?

LIVEWORKSHEETS

D. WRITING

Topic: Traffic jams are a common problem in many cities worldwide.
What causes this issue and how can it be solved?

E. LISTENING

Test 5 Listening Part 4

53 **Questions 20–25**

For each question, choose the correct answer.

Lưu ý:

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc.

LIVEWORKSHEETS

Con hãy làm bài nghe theo link sau:
https://youtu.be/_agtYDyhv0c

You will hear an interview with a young hairdresser called Carlotta.

20 Carlotta first become interested in cutting people's hair when she saw
- **A** a hairdressing magazine.
- **B** a cartoon character doing it.
- **C** a friend having it done.

21 The first hair that Carlotta cut belonged to
- **A** her father.
- **B** her sister.
- **C** her mother.

22 At college, Carlotta's teachers said she should
- **A** talk to customers more.
- **B** spend more time planning.
- **C** improve her cutting technique.

23 How did Carlotta feel during the Young Hairdresser competition?
- **A** sure she would lose
- **B** angry with the model
- **C** confused by the rules

24 What does Carlotta say is the biggest benefit of working for a well-known company?
- **A** meeting famous people
- **B** making plenty of money
- **C** gaining a variety of experience

25 What would Carlotta like to do next?
- **A** open a hairdressing school
- **B** create a range of beauty products
- **C** start a business in another country

LIVEWORKSHEETS